

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 305/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng  
Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 1 năm 2023. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Q1-2023

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ VĂN NĂM**

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Việt

Thành viên

Ông Shinichiro Ota

Thành viên

(đã mất ngày 04/05/2022)

**Ban Kiểm soát**

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Hoàng Giang

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất

Ông Nguyễn Duy Hưng

Phó Tổng Giám Đốc Tài chính

(bổ nhiệm ngày 01/02/2023)

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo

Phường Cô Giang, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2023 VND</b>	<b>01/01/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.438.369.771.897</b>	<b>1.663.689.832.459</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>86.290.280.146</b>	<b>113.688.426.865</b>
Tiền	111		86.290.280.146	113.688.426.865
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>320.870.000.000</b>	<b>542.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	320.870.000.000	542.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>362.352.125.762</b>	<b>154.023.035.572</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	284.066.031.045	104.918.312.223
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	55.910.805.987	15.283.671.749
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	23.760.446.776	35.206.209.646
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.385.348.860)	(1.385.348.860)
Tài sản thiêu chờ xử lý	139		190.814	190.814
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>584.063.951.941</b>	<b>759.923.693.703</b>
Hàng tồn kho	141		586.502.025.057	762.361.766.819
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.438.073.116)	(2.438.073.116)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.793.414.048</b>	<b>94.054.676.319</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.809.905.126	7.619.881.612
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	77.983.508.922	86.434.794.707

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2023 VND</b>	<b>01/01/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>732.792.465.966</b>	<b>752.255.795.783</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.465.832.785</b>	<b>6.446.607.832</b>
Phải thu dài hạn khác	216		6.465.832.785	6.446.607.832
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>555.680.152.521</b>	<b>578.088.698.162</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	297.090.827.977	316.002.424.473
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.214.104.002.773</i>	<i>1.214.104.002.773</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(917.013.174.796)</i>	<i>(898.101.578.300)</i>
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	56.582.903.225	58.657.025.451
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>67.293.743.316</i>	<i>67.293.743.316</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(10.710.840.091)</i>	<i>(8.636.717.865)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	13	202.006.421.319	203.429.248.238
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>263.190.870.706</i>	<i>263.190.870.706</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(61.184.449.387)</i>	<i>(59.761.622.468)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>88.551.280.324</b>	<b>85.392.592.894</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	88.551.280.324	85.392.592.894
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49.595.200.336</b>	<b>49.827.896.895</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.908.420.972	13.255.953.059
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	3.267.024.817	3.267.024.817
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	33.419.754.547	33.304.919.019
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.171.162.237.863</b>	<b>2.415.945.628.242</b>


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam  
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)  
 Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.266.866.565.061</b>	<b>1.491.342.025.915</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.228.050.117.513</b>	<b>1.445.858.597.895</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	144.351.233.744	85.737.159.850
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.671.511.496	42.583.110.537
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	2.967.576.864	4.016.454.272
Phải trả người lao động	314		65.240.133.459	104.320.991.505
Chi phí phải trả	315	20	67.232.226.966	19.468.155.376
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.267.131.718	5.677.998.486
Vay ngắn hạn	320	22(a)	906.416.550.318	1.149.448.452.161
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	9.220.293.701	9.220.293.701
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	21.683.459.247	25.385.982.007
			<b>45.483.428.02</b>	<b>45.483.428.020</b>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38.816.447.548</b>	<b>45.483.428.020</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.409.600.000	1.409.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	37.406.847.548	44.073.828.020
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>904.295.672.802</b>	<b>924.603.602.327</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>904.295.672.802</b>	<b>924.603.602.327</b>
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		311.688.100.054	311.688.100.054
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.305.803.524	146.613.733.049
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		100.142.026.049	(11.317.625.475)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		26.163.777.475	157.931.358.524
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.171.162.237.863</b>	<b>2.415.945.628.242</b>

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập: 

Người duyệt: 

Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán – Tài chính

Nguyễn Duy Hưng  
 Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Kỳ quý một kết thúc ngày		Lũy kế từ đầu năm kết thúc ngày	
			31/03/2023 VND	31/03/2022 VND	31/03/2023 VND	31/03/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	927.109.056.582	1.080.239.963.000	927.109.056.582	1.080.239.963.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	85.389.806.309	114.294.909.534	85.389.806.309	114.294.909.534
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>841.719.250.273</b>	<b>965.945.053.466</b>	<b>841.719.250.273</b>	<b>965.945.053.466</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	727.450.945.535	841.383.724.546	727.450.945.535	841.383.724.546
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>114.268.304.738</b>	<b>124.561.328.920</b>	<b>114.268.304.738</b>	<b>124.561.328.920</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	14.106.232.727	16.291.061.043	14.106.232.727	16.291.061.043
Chi phí tài chính	22	32	19.927.367.505	14.841.226.513	19.927.367.505	14.841.226.513
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.200.151.448</i>	<i>10.994.125.311</i>	<i>16.200.151.448</i>	<i>10.994.125.311</i>
Chi phí bán hàng	25	33	58.539.190.643	58.227.108.270	58.539.190.643	58.227.108.270
Chi phí quản lý DN	26	34	14.693.080.541	12.526.984.775	14.693.080.541	12.526.984.775
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>35.214.898.776</b>	<b>55.257.070.405</b>	<b>35.214.898.776</b>	<b>55.257.070.405</b>
Thu nhập khác	31		639.435	107.873.616	639.435	107.873.616
Chi phí khác	32		226.896	56.600	226.896	56.600
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>412.539</b>	<b>107.817.016</b>	<b>412.539</b>	<b>107.817.016</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>35.215.311.315</b>	<b>55.364.887.421</b>	<b>35.215.311.315</b>	<b>55.364.887.421</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	9.051.533.840	13.651.150.618	9.051.533.840	13.651.150.618
Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>26.163.777.475</b>	<b>41.713.736.803</b>	<b>26.163.777.475</b>	<b>41.713.736.803</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>507</b>	<b>808</b>	<b>507</b>	<b>808</b>

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>31/03/2023 VND</b>	<b>31/03/2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>35.215.311.315</b>	<b>55.364.887.421</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	22.408.545.641	22.884.878.370
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(572.654.929)	2.215.835.252
Thu nhập từ tiền lãi	05	(8.417.214.655)	(13.871.178.286)
Chi phí lãi vay	06	16.200.151.448	10.994.125.311
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>64.834.138.820</b>	<b>77.588.548.068</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(211.061.173.065)	(193.074.468.793)
Biến động hàng tồn kho	10	175.744.906.234	(159.710.322.550)
Biến động các khoản phải trả	11	29.351.958.224	79.117.404.214
Biến động chi phí trả trước	12	2.630.395.425	(1.276.490.822)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.290.629.919)	(9.244.871.797)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.987.038.359)	(19.478.561.140)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.702.522.760)	(3.735.868.070)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.520.034.600</b>	<b>(229.814.630.890)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(4.631.574.282)	(31.085.019.877)
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(50.000.000.000)	(272.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	272.000.000.000	267.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	18.530.369.835	15.753.637.189
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>235.898.795.553</b>	<b>(20.331.382.688)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)  
 (Phương pháp gián tiếp)  
 Mẫu B 03 – DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/03/2023 VND	31/03/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	525.844.163.190	941.215.396.753
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.531.534.151)	(650.871.966.968)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.735.417.967)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.471.707.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(297.894.495.928)</b>	<b>290.343.429.785</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(26.475.665.775)</b>	<b>40.197.416.207</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>113.688.426.865</b>	<b>119.156.485.767</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(922.480.944)</b>	<b>59.519.537</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>86.290.280.146</b>	<b>159.413.421.511</b>

**Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	36.279.779.476	32.429.629.919

Ngày 19 tháng 04 năm 2023


Người lập: 

Nguyễn Văn Diệp  
 Phụ trách Kế toán – Tài chính

Người duyệt: 

Nguyễn Duy Hưng  
 Phó Tổng Giám đốc



  
 Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

#### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 03 năm 2023, công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/03/2023	01/01/2023
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	26,0%	26,0%

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 03 năm 2023, công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ác quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, công ty có 1.301 nhân viên (31/12/2022: 1.229 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính gần đây.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà ban giám đốc của công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

#### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 12 năm
- phương tiện vận tải 6 – 10 năm

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- thiết bị văn phòng 2 – 10 năm
- tài sản khác 4 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

**(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Chi phí bảo hành***

Dự phòng về chi phí bảo hành của công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các kỳ và chi phí bảo hành trung bình cho một/nhóm sản phẩm.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của ban giám đốc, công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của công ty trong kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.438.691.811	2.685.788.481
Tiền gửi ngân hàng	83.851.588.335	111.002.638.384
	<hr/>	<hr/>
	86.290.280.146	113.688.426.865
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,20% đến 9,50% (2022: 6,00% đến 7,25%).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast	21.202.178.971	16.311.737.371
Mr. Chea Se	20.421.349.746	-
Công ty TNHH ác quy Vĩnh Phúc	12.006.086.400	11.972.931.840
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Dũng Phụng	9.079.697.963	734.313.170
A.M.Muthana For General Trading Est., And Agencie	7.611.653.553	-
Công ty TNHH Thành Thảo Nghệ An	6.335.777.341	-
Công ty cổ phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công VN	5.989.836.600	8.406.330.120
Các khách hàng khác	201.419.450.471	67.492.999.722
	<hr/>	<hr/>
	284.066.031.045	104.918.312.223
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sorin Corporation	21.157.616.544	90.327.078
SSS Impex Int'l Company Limited	3.905.149.182	-
Wirtz Mfg.Co.	1.767.392.358	652.606.941
Công ty TNHH TM&DV Sinh Thịnh	1.308.304.500	1.333.800.000
Công ty cp xd và tm Phú Gia	960.342.044	1.128.971.952
Các nhà cung cấp khác	26.812.001.359	12.077.965.778
	<hr/>	<hr/>
	55.910.805.987	15.283.671.749
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	17.158.968.109	27.272.123.289
Trả trước cho thuê tài chính	4.031.853.789	5.606.868.901
Tạm ứng cho nhân viên	2.487.892.545	2.317.781.598
Phải thu khác	81.732.333	9.435.858
	<hr/>	<hr/>
	23.760.446.776	35.206.209.646
	<hr/>	<hr/>

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

<b>Ngày 31 tháng 03 năm 2023</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.147.756.771	644.327.030	1.503.429.741
Công ty cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.443.161.910	626.069.830	817.092.080
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		3.705.870.681	1.385.348.860	2.320.521.821
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.147.756.771	644.327.030	1.503.429.741
Công Ty cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.443.161.910	626.069.830	817.092.080
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		3.705.870.681	1.385.348.860	2.320.521.821
		<hr/>	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Kỳ quý một kết thúc ngày</b>	
	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.385.348.860	1.204.876.660
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.385.348.860	1.204.876.660

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>31/03/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	228.243.119.842	-	235.292.755.559	-
Hàng mua đang đi đường	7.811.293.422	-	19.378.803.450	-
Công cụ và dụng cụ	11.478.542.172	-	12.856.978.717	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.201.861.824	-	165.370.125.540	-
Thành phẩm	170.764.797.066	(2.438.073.116)	329.460.692.822	(2.438.073.116)
Hàng hóa	2.410.731	-	2.410.731	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng tồn kho	586.502.025.057	(2.438.073.116)	762.361.766.819	(2.438.073.116)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	33.419.754.547	-	33.304.919.019	-

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

<b>Hàng tồn kho</b>		
	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.438.073.116	3.090.059.551
Số dư cuối kỳ	2.438.073.116	3.090.059.551

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	210.871.303.290	950.914.561.275	35.342.390.692	13.162.258.326	3.813.489.190	1.214.104.002.773
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 14)	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	210.871.303.290	950.914.561.275	35.342.390.692	13.162.258.326	3.813.489.190	1.214.104.002.773
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	132.495.368.729	723.300.969.722	27.443.973.437	12.023.737.041	2.837.529.371	898.101.578.300
Khấu hao trong kỳ	2.935.079.775	15.111.762.472	645.941.708	142.752.844	76.059.697	18.911.596.496
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	135.430.448.504	738.412.732.194	28.089.915.145	12.166.489.885	2.913.589.068	917.013.174.796
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	78.375.934.561	227.613.591.553	7.898.417.255	1.138.521.285	975.959.819	316.002.424.473
Số dư cuối kỳ	75.440.854.786	212.501.829.081	7.252.475.547	995.768.441	899.900.122	297.090.827.977

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 549.328 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (01/01/2023: 540.414 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 24.772 triệu VND (01/01/2023: 25.901 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	66.298.132.171	995.611.145	67.293.743.316
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	66.298.132.171	995.611.145	67.293.743.316
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	8.382.715.200	254.002.665	8.636.717.865
Khấu hao trong kỳ	2.043.435.581	30.686.645	2.074.122.226
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	10.426.150.781	284.689.310	10.710.840.091
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	57.915.416.971	741.608.480	58.657.025.451
Số dư cuối kỳ	55.871.981.390	710.921.835	56.582.903.225

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Chuyển từ XDCB DD	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	44.575.355.001	9.967.488.811	5.218.778.656	59.761.622.468
Khấu hao trong kỳ	1.388.306.371	34.520.548	-	1.422.826.919
Số dư cuối kỳ	45.963.661.372	10.002.009.359	5.218.778.656	61.184.449.387
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	203.379.581.197	49.667.041	-	203.429.248.238
Số dư cuối kỳ	201.991.274.826	15.146.493	-	202.006.421.319

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 14.815 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 (01/01/2023: 14.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 16.119 triệu VND (01/01/2023: 16.255 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/03/2023 VND</b>	<b>31/03/2022 VND</b>
Số dư đầu kỳ	85.392.592.894	36.108.430.868
Mua sắm trong kỳ	4.631.574.282	26.310.147.969
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11)	-	(29.606.572.983)
Chuyển sang chi phí trả trước	(1.472.886.852)	(300.321.819)
Số dư cuối kỳ	88.551.280.324	32.511.684.035

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	86.409.108.630	83.577.406.640
Công trình xây dựng	2.142.171.694	1.815.186.254
	<hr/>	<hr/>
	88.551.280.324	85.392.592.894

**15. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>31/03/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.827.800.663	9.428.152.396	13.255.953.059
Mua sắm trong kỳ	91.800.000	1.817.510.852	1.909.310.852
Phân bổ trong kỳ	(603.114.245)	(1.653.728.694)	(2.256.842.939)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.316.486.418	9.591.934.554	12.908.420.972

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/03/2023 VND</b>	<b>01/01/2023 VND</b>
Dự phòng bảo hành	20%	1.844.058.740	1.844.058.740
Chi phí phải trả	20%	874.320.075	874.320.075
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	487.614.623	487.614.623
Chênh lệch tỷ giá	20%	61.031.379	61.031.379
		3.267.024.817	3.267.024.817

**18. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/03/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Trafigura Pte Ltd	22.759.100.069	237.867.412
Công ty TNHH Thye Mìng Việt Nam	21.935.102.270	6.126.612.778
Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam	17.198.401.304	12.114.153.165
Thai United Industry Co.,Ltd.	13.143.280.107	8.258.457.411
Guangxi Guiliu New Material Co., Ltd	6.941.853.800	7.942.178.800
Baoding Golden Sunlight Power	6.090.278.050	6.216.131.550
Nhà cung cấp khác	56.283.218.144	44.841.758.734
	144.351.233.744	85.737.159.850

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>31/03/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty cổ phần phân bón Miền Nam	1.341.192.600	1.019.112.600
Công ty cổ phần hóa chất cơ bản Miền Nam	314.406.400	242.857.440
Công ty cổ phần hơi kỹ nghệ que hàn	32.851.500	8.856.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2023</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số cần trừ</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>31/03/2023</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	188.026.326.412	(153.644.204.926)	(34.382.121.486)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.752.867.258	9.051.533.840	-	(7.987.038.359)	6.817.362.739
Thuế thu nhập cá nhân	(312.730.289)	1.502.424.810	-	(3.388.622.366)	(2.198.927.845)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.423.682.697)	623.991.705	-	(851.167.038)	(1.650.858.030)
	<b>4.016.454.272</b>	<b>199.204.276.767</b>	<b>(153.644.204.926)</b>	<b>(46.608.949.249)</b>	<b>2.967.576.864</b>

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	<b>01/01/2023</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số cần trừ</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>31/03/2023</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	86.434.794.707	145.192.919.141	(153.644.204.926)	-	77.983.508.922

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bán hàng	51.175.609.662	8.719.947.592
Chi phí bảo hiểm, BHLĐ, nghỉ mát	6.223.472.012	-
Chi phí vận chuyển	2.635.846.226	2.559.319.152
Chi phí lãi vay	1.909.521.529	2.143.328.953
Các khoản chi phí phải trả khác	5.287.777.537	6.045.559.679
	<hr/>	<hr/>
	67.232.226.966	19.468.155.376
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	21.332.115	20.388.765
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	562.055.461	393.590.571
Các khoản phải trả khác	4.683.744.142	5.264.019.150
	<hr/>	<hr/>
	5.267.131.718	5.677.998.486
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2023		Biến động trong kỳ			31/03/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.085.206.780.293	1.085.206.780.293	519.177.182.718	759.229.135.712	(1.011.511.354)	844.143.315.945	844.143.315.945
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	31.741.671.868	31.741.671.868	6.666.980.472	8.635.417.967	-	29.773.234.373	29.773.234.373
	<u>1.149.448.452.161</u>	<u>1.149.448.452.161</u>	<u>525.844.163.190</u>	<u>767.864.553.679</u>	<u>(1.011.511.354)</u>	<u>906.416.550.318</u>	<u>906.416.550.318</u>

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		31/03/2023	01/01/2023
		2023	2022	VND	VND
<b><i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i></b>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,80%-7,80%	5,00%-7,80%	355.548.024.424	428.979.756.763
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	4,70%	2,70%-4,70%	64.554.391.982	165.708.416.261
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	5,50%	5,20%-7,32%	211.214.763.351	37.228.572.398
Ngân hàng Maybank	VND	7,50%	7,50%	36.440.736.689	36.440.736.689
Ngân hàng Maybank	USD	4,50%-4,70%	4,70%	21.134.379.697	2.722.968.379
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	7,50%-8,50%	7,50%-8,40%	13.840.405.364	13.840.405.364
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,80%-4,00%	3,00%-3,60%	101.470.063.635	200.489.630.558
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	7,0%-7,50%	5,50%-7,00%	10.630.862.540	26.456.576.593
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,40%	6,50%-7,40%	1.030.890.545	35.683.848.009
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	4,50%	4,50%	28.278.797.718	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	VND	7,50%	8,00%	-	11.230.574.388
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	5,00%	5,00%	-	34.937.467.092
Ngân hàng Siam Bank VN	VND	6,60%	6,25%-8,50%	-	91.487.827.799
				844.143.315.945	1.085.206.780.293

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>			
	<b>VND</b>	<b>VND</b>			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	67.180.081.921	75.815.499.888			
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 22(a))	(29.773.234.373)	(31.741.671.868)			
	<hr/>	<hr/>			
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	37.406.847.548	44.073.828.020			
	<hr/>	<hr/>			
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:					
	<b>Lãi suất</b>				
	<b>Loại tiền</b>	<b>2023</b>			
		<b>2022</b>			
		<b>31/03/2023</b>			
		<b>VND</b>			
		<b>01/01/2023</b>			
		<b>VND</b>			
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (i)	VND	10,10%-10,20%	10,10%-10,20%	30.405.000.000	36.305.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank (ii)	VND	7,70%-9,80%	7,70%-9,80%	36.775.081.921	39.510.499.888
				<hr/>	<hr/>
				67.180.081.921	75.815.499.888
				<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 24.772 triệu VND và 16.119 triệu VND (1/1/2023: 25.901 triệu VND và 16.255 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).
- (ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	31/03/2023			01/01/2023		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	13.843.932.610	2.970.698.237	10.873.234.373	13.558.873.182	2.617.201.314	10.941.671.868
Trong vòng hai đến năm năm	30.461.726.167	4.559.878.619	25.901.847.548	33.069.397.877	4.500.569.857	28.568.828.020
	<b>44.305.658.777</b>	<b>7.530.576.856</b>	<b>36.775.081.921</b>	<b>46.628.271.059</b>	<b>7.117.771.171</b>	<b>39.510.499.888</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	9.220.293.701	10.324.167.290
Số tăng/giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	9.220.293.701	10.324.167.290

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	25.385.982.007	14.669.289.218
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số sử dụng trong kỳ	(3.702.522.760)	(3.735.868.070)
Số dư cuối kỳ	21.683.459.247	10.933.421.148

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	163.061.814.555	854.138.200.891
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	157.931.358.524	157.931.358.524
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	86.913.482.942	(86.913.482.942)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.758.396.588)	(17.758.396.588)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	146.613.733.049	924.603.602.327
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	26.163.777.475	26.163.777.475
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(46.471.707.000)	(46.471.707.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2023</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	126.305.803.524	904.295.672.802

(\*): Trong quý 1-2023, công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 với tỷ lệ là 10% .

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/03/2022		01/01/2023	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF)	9.880.000	21,26%	-	-
Công ty TNHH đầu tư Sài Gòn 3 Capital	-	-	6.038.220	12,99%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công ty CP chứng khoán Thành Công	-	-	2.791.701	6,01%
Công đoàn Cty CP Pin Ác quy Miền Nam	2.328.734	5,01%	2.325.034	5,00%
Các cổ đông khác	5.464.992	11,76%	6.518.771	14,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.113.361.240	3.992.154.320
Trong vòng hai đến năm năm	11.368.128.571	11.420.928.571
	<hr/>	<hr/>
	14.481.489.811	15.413.082.891
	<hr/>	<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	11.373.547.424	11.588.817.193
	<hr/>	<hr/>

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/03/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	772.124,94	17.982.789.853	1.110.566,44	26.053.888.681
EUR	256,22	6.435.109	258,95	6.400.845
		<hr/>		<hr/>
		17.989.224.962		26.060.289.526
		<hr/>		<hr/>

**28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu thuần dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	<b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Trong nước	626.875.500.749	712.710.452.515
Xuất khẩu	214.843.749.524	253.234.600.951
	<hr/>	<hr/>
	841.719.250.273	965.945.053.466
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu	927.109.056.582	1.080.239.963.000
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	85.389.806.309	114.117.318.295
▪ Hàng bán bị trả lại	-	177.591.239
	<hr/>	<hr/>
	85.389.806.309	114.294.909.534
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	841.719.250.273	965.945.053.466
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Pin và ắc quy đã bán	693.360.131.159	831.238.144.021
Khuyến mãi có điều kiện	34.090.814.376	10.145.580.525
	<hr/>	<hr/>
	727.450.945.535	841.383.724.546
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	8.417.214.655	13.871.178.286
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.689.018.072	2.419.882.757
	<hr/>	<hr/>
	14.106.232.727	16.291.061.043
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	16.200.151.448	10.994.125.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.760.950.713	1.631.266.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.033.765.776)	2.215.834.211
Chiết khấu thanh toán	31.120	-
	<hr/>	<hr/>
	19.927.367.505	14.841.226.513
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	11.264.668.415	10.680.663.284
Chi phí khấu hao và phân bổ	505.295.832	557.943.941
Chi phí bảo hành	3.828.299.982	4.511.064.022
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	20.287.628.637	12.132.028.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.578.910.540	19.111.992.625
Chi phí bán hàng khác	11.074.387.237	11.233.415.513
	<hr/>	<hr/>
	58.539.190.643	58.227.108.270
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.208.346.625	6.825.584.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	338.825.812	293.918.228
Chi phí khấu hao và phân bổ	172.066.725	176.923.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.747.894.045	3.388.469.417
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.225.947.334	1.842.089.576
	<hr/>	<hr/>
	14.693.080.541	12.526.984.775
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	471.143.883.628	660.582.099.699
Chi phí nhân công và nhân viên	67.776.936.495	85.848.886.947
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.408.545.641	22.884.878.370
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	89.792.684.467	96.600.852.435
	<hr/>	<hr/>
	651.122.050.231	865.916.717.451
	<hr/>	<hr/>

**36. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	7.060.763.023	11.089.420.056
Dự phòng thiếu trong các năm trước	1.990.770.817	2.561.730.562
	<hr/>	<hr/>
	9.051.533.840	13.651.150.618
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	9.051.533.840	13.651.150.618
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.215.311.315	55.364.887.421
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.043.062.263	11.072.977.484
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.700.760	16.442.572
Dự phòng thiếu trong các năm trước	1.990.770.817	2.561.730.562
	<b>9.051.533.840</b>	<b>13.651.150.618</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	26.163.777.475	41.713.736.803
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	(4.171.373.680)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	26.163.777.475	37.542.363.123
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	507	808

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức được chia	23.898.273.000	23.898.273.000
<b>Cổ đông lớn</b>		
<i>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)</i>		
Cổ tức được chia	9.880.000.000	-
<i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i>		
Phí bản quyền	639.592.573	620.246.135
Cổ tức được chia	4.899.708.000	4.899.708.000
<b>Công ty liên quan</b>		
<i>Công ty cổ phần hóa chất cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	376.807.200	3.647.930.000
<i>Công ty cổ phần phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	1.971.521.200	-
<i>Công ty cổ phần hơi kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	76.274.000	99.000.000
<i>Công ty cổ phần bột giặt Lix</i>		
Mua hàng hóa	-	4.631.616
<b>39. Tiền lương, thù lao và phụ cấp</b>		
	<b>31/03/2023</b>	<b>31/03/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Lê Hoàng	60.000.000	60.000.000
Lê Văn Năm	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Chung	39.900.000	39.900.000
Nguyễn Quốc Việt	39.900.000	-
Trần Thanh Văn	-	39.900.000
<b>Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Phan Thị Hoàng Giang	20.400.000	-
Trần Thị Kiều Ly	-	20.400.000
Vũ Thị Mai Nhung	20.400.000	20.400.000
<i>Lương và phụ cấp</i>		
Tạ Duy Linh	170.982.760	-
Nguyễn Thị Ngọc Ánh	-	137.300.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Ban Giám đốc**

*Lương, thưởng và phụ cấp*

Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc khác.

187.200.000

187.200.000


221.700.000

213.300.000

**40. Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập: 



Nguyễn Văn Diệp  
Phụ trách Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc